

Bản án số: 92/2021/HS-PT
Ngày: 25 – 11 – 2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Quang Hải

Các Thẩm phán: 1. Bà Lê Thị Minh Trang

2. Bà Trương Thị Liên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 146/2021/TLPT-HS ngày 27/10/2021 đối với bị cáo Nguyễn Trí T, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 63/2021/HSST ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Trí T, năm sinh: 1991. Nơi cư trú: Khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lái xe (Tài xế); trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Văn H và bà Đặng Hoàng L (chết); chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người bị hại trong vụ án không có kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có hẹn lắp đặt dàn âm thanh tại quán cà phê H thuộc khu vực D, phường E, quận G, thành phố Cần Thơ nên vào ngày 23/01/2021, Nguyễn Trí T được ông Võ Văn K giao điều khiển xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, biển số: 65K-6139 (xe gia đình của Võ Trường A) chở cha ruột là ông Nguyễn Văn H và ông K đến quán cà phê H để lắp dàn âm thanh cho quán.

Đến khoảng hơn 18 giờ cùng ngày, T và ông H lắp đặt xong, sau đó ông K đưa chìa khóa xe ô tô cho T để T cất dụng cụ, lúc này ông K và ông H còn ở trong quán. Trong lúc cất dụng cụ lên xe, T phát hiện có 01 (một) cái bóp (ví) da màu nâu được để ở hộc bên cánh cửa trái của xe ô tô (chỗ ngồi của người điều khiển xe). T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên lợi dụng việc không ai trông coi, T lén lút lấy trộm cái bóp da màu nâu bỏ vào túi quần bên phải. Sau đó, T điều khiển xe ô tô biển số 65K-6139 chở ông K và ông H về nhà ông K, nhận tiền công xong thì T điều khiển xe mô tô chở ông H về nhà.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, T kiểm tra bóp da màu nâu mà T trộm được phát hiện bên trong có số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng), 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 004962, tên chủ xe Võ Trường A, 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 002213, tên chủ xe Võ Trường A; 01 giấy phép lái xe số 920075800900, mang tên Võ Trường A, 01 thẻ Visa ngân hàng Vietcombank, số 4283100002955357 mang tên Võ Trường A, 01 thẻ ngân hàng Vietcombank tên Võ Trường A.

Khoảng 08 giờ ngày 24/01/2021, T điều khiển xe chở khách đến thành phố L, tỉnh An Giang, đến khoảng 11 giờ cùng ngày trong khi đang đợi khách, T thuê xe ôm chở đến trụ ATM của ngân hàng Vietcombank (qua xác minh đặt tại đường M, thành phố L, tỉnh An Giang) rồi dùng thẻ ngân hàng Vietcombank mang tên Võ Trường A để rút tiền. T nhập mật khẩu "111085" (theo ngày tháng năm sinh của anh Võ Trường A) thì đúng mật khẩu, sau đó T rút được số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), tiền phí của ngân hàng là 1.100 đồng (một nghìn một trăm đồng), tiếp đó T chuyển khoản số tiền 45.950.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) từ tài khoản thẻ của Võ Trường A qua số tài khoản "0111000666485" của mẹ T là bà Đặng Hoàng L (đã chết), phí của việc chuyển khoản là 3.300 đồng (Ba nghìn ba trăm đồng), sau đó rút thêm 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng), tiền phí của ngân hàng là 1.100 đồng (một nghìn một trăm đồng).

Sau đó T chuyển số tiền từ tài khoản của bà L "0111000666485" qua tài khoản "0111000178928" ngân hàng Vietcombank mang tên Nguyễn Trí T với số tiền 45.800.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng) phí của việc chuyển khoản là 3.300 đồng (Ba nghìn ba trăm đồng) rồi T sử dụng tài khoản ngân hàng của mình để rút tiền 10 (mười) lần, trong đó 09 (chín) lần đầu mỗi lần 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tổng cộng 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng), lần cuối cùng T rút với số tiền 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng), phí giao dịch 10 (mười) lần rút tiền là 11.000 đồng (mười một nghìn đồng).

Sau khi T rút xong hết số tiền trong tài khoản thì T bỏ lại thẻ ngân hàng Vietcombank mang tên Võ Trường A tại trụ ATM (đến nay không thu hồi được thẻ mang tên Võ Trường A).

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 24/01/2021, anh Võ Trường A phát hiện tin nhắn tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0391000299888 của mình có giao dịch rút tiền 5.800.000 đồng (năm triệu tám trăm nghìn đồng) và chuyển qua tài khoản số 0111000666485 số tiền 45.950.000 đồng (bốn mươi lăm triệu chín trăm năm

mười nghìn đồng). Kiểm tra lại tài sản anh A phát hiện bị mất trộm 01 bóp da màu nâu bên trong có 02 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank, 02 giấy đăng ký xe mô tô xe máy tên Võ Trường A, 1 giấy phép lái xe mô tô và 2.000.000đồng nên trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Cùng ngày Cơ quan điều tra mời Nguyễn Trí T làm việc thì T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp các tài sản và vật chứng còn lại, mục đích T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là dùng để trả nợ vay, không có ai cùng tham gia hay biết được việc T trộm cắp tài sản của anh Võ Trường A.

Giá trị tài sản T chiếm đoạt được gồm 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền mặt, 5.800.000 đồng (năm triệu tám trăm nghìn đồng) rút từ tài khoản "0391000299888" của anh Võ Trường A, 45.950.000 đồng (bốn mươi lăm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) chuyển khoản từ tài khoản "0391000299888" của anh Võ Trường A sang tài khoản "0111000666485" mang tên Đặng Hoàng L, phí giao dịch phát sinh 5.500 đồng (năm nghìn năm trăm đồng). Tổng giá trị tài sản là 53.755.500 đồng (năm mươi ba triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Bị hại Võ Trường A chỉ xác định giá trị tiền bị mất trộm và đối với cái bóp da màu nâu thì bị hại Võ Trường A xác định tài sản trên đã cũ, hư hỏng, không còn giá trị, không có yêu cầu định giá tài sản và không yêu cầu gì đối với tài sản này nên Cơ quan điều tra không tiến hành định giá tài sản do tài sản không còn giá trị.

Đối với bà Đặng Hoàng L đã chết vào năm 2011 nên thẻ ngân hàng và tài khoản 0111000666485 do bà L đứng tên do Nguyễn Trí T quản lý, sử dụng.

Vật chứng trong vụ án:

01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 004962, tên chủ xe Võ Trường A; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 002213, tên chủ xe Võ Trường A; 01 (một) giấy phép lái xe số 920075800900 mang tên Võ Trường A; 01 (một) thẻ visa ngân hàng Vietcombank số 4283100002955357 tên VO TRUONG A; 01 (một) ví da màu nâu loại ví nam giới có chữ BOSS HUGO BOSS. Hiện Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại cho chủ sở hữu là anh Võ Trường A.

Tiền Việt Nam 53.200.000 đồng (năm mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng đồng); 01 (một) thẻ ngân hàng Vietcombank số 9704366806242767032 tên NGUYEN TRI T.

Trách nhiệm dân sự:

Nguyễn Trí T đã tự nguyện giao nộp lại tài sản đã trộm cắp được là 53.000.000đồng, anh Võ Trường A yêu cầu nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thêm và có đơn bãi nại đối với Nguyễn Trí T.

Tại bản án số 63/2021/HSST ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn đã quyết định:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Trí T 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngoài ra, bản án còn quyết định phân xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/9/2021 bị cáo Nguyễn Trí T nộp đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không cung cấp thêm chứng cứ về các tình tiết mới.

Kiểm sát viên trình bày quan điểm: Bị cáo là người trưởng thành có đủ khả năng nhận thức nhưng vì lòng tham bị cáo đã lén lút lấy trộm tài sản của người bị hại với tổng số tiền là 53.755.500đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, phòng ngừa chung. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là phù hợp. Mức án đã tuyên là tương xứng nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị giữ y bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm tuân thủ các quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho những người tham gia tố tụng. Các chứng cứ tại hồ sơ đủ để kết luận về hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như để giải quyết các vấn đề khác có liên quan.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã quy kết. Xét thấy lời thừa nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở xác định: Bị cáo lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của người bị hại nên đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm 2.000.000đồng tiền mặt và 51.755.500đồng trong tài khoản ATM của người bị hại; tổng số tài sản bị cáo chiếm đoạt của người bị hại là 53.755.500đồng. Cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Bị cáo là người đã thành niên, có sức khỏe, có khả năng lao động, nhưng chỉ vì tham lam tư lợi, muốn hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật mà còn làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng đều đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi quyết định hình phạt. Mức án đã tuyên là tương xứng.

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đặc biệt là đối với tội trộm cắp tài sản hiện nay đã và đang tăng nên cần phải xử lý nghiêm, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian có như vậy mới nhằm răn đe và phòng ngừa chung. Cấp sơ thẩm khi xét xử đã thiếu một tình tiết tăng nặng là bị cáo phạm tội từ hai lần trở lên. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trí T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trí T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trí T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành.

Bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND CC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Cần Thơ;
- Trại tạm giam;
- Cơ quan tố tụng quận Ô Môn;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Quang Hải